

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST

Ngày:

Ngày: 27-8-2024

V/v: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Ông Phạm Văn Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 575/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1965

Địa chỉ: khu phố A, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* ông Huỳnh Hoàng C, sinh năm 1965

Địa chỉ: khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024, bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Hoàng C tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Huỳnh Hoàng C.

- Về con chung: Bà và ông C có một con chung tên Huỳnh Hoàng L, sinh ngày 23/11/2005. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh Hoàng C nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N, xét xử cho bà Huỳnh Thị Tuyết N được ly hôn ông Huỳnh Hoàng C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn ông Huỳnh Hoàng C, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Ly hôn*”; bị đơn có địa chỉ tại khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy:

Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Huỳnh Hoàng C chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 02 ngày 19 tháng 4 năm 2005. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo bà N trình bày, vợ chồng ông, bà trong thời gian chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Dù đã cố gắng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện nay bà N và ông C đã không còn chung sống với nhau. Tòa án đã triệu tập ông C đến Tòa nhằm hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông C không đến Tòa, cho thấy ông C không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Huỳnh Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Hoàng C là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Tuyết N khai bà và ông Huỳnh Hoàng C có một con chung tên Huỳnh Hoàng L, sinh ngày 23/11/2005. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Tuyết N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết N được ly hôn ông Huỳnh Hoàng C.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 22 tháng 5 năm 2024, bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001754 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, nay chuyển 300.000 đồng sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Lê Thảo Nguyên**









